

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị H  
và anh H1

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chính

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kiều H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Đỗ Nam H1, sinh năm 1995; địa chỉ: Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

(Tại phiên tòa chị H, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Nam H1 kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 24/01/2022. Vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Anh chị không có con chung và không có thai nghén gì với nhau.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chị có đơn xin giải quyết vắng mặt chị.

Anh **Đỗ Nam H1** có lời khai tại bản tự khai trình bày: Anh và chị **Phạm Thị Kiều H** kết hôn có đăng ký tại **UBND xã X** ngày 24/01/2022. Vợ chồng chung sống một thời gian thì mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Bản thân anh bị nghiện ma túy từ năm 2023. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh nhất trí ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau. Vợ chồng không có con chung. Về tài sản công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin xét xử vắng mặt vì anh đang phải cai nghiện tập trung tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị Kiều H** và anh **Đỗ Nam H1**. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Phạm Thị Kiều H** và anh **Đỗ Nam H1** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện anh lại nghiện ma túy đang đi cai nghiện bắt buộc. Chị xin ly hôn, anh đồng ý. Xét thấy cũng họ đã xác định tình cảm không thể hàn gắn nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: Anh chị không có con chung, không thai nghén gì với nhau nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **H** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị Kiều H** và anh **Đỗ Nam H1**.
2. Về án phí: Chị **H** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000076** ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.
3. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **H1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Quỳnh**